

STT	Nội dung	Tổng số	Chi tiết theo đơn vị sử dụng	
			Phòng Văn hóa - Xã hội phường	...
A	B	1	2	
I	Tăng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
1	Số thu phí, lệ phí			
1.1	Lệ phí			
	Lệ phí A			
	Lệ phí B			
				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại			
2.1	Chi sự nghiệp			
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
2.2	Chi quản lý hành chính			
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ			
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN			
3.1	Lệ phí			
	Lệ phí A			
	Lệ phí B			
3.2	Phí			
	Phí A			
	Phí B			
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước (1)	-	-	
1	Chi quản lý hành chính	562.783.685		
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ			
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	562.783.685	562.783.685	
	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	-		
	Bổ sung thực hiện chế độ, chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã theo Nghị định 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ (832/340/341/15)	562.783.685	562.783.685	
	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (171)	-		



	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ (340, mã dự phòng	-		
	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	-		
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo			
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ			
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ			
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo			
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số			
3	Chi sự nghiệp An sinh xã hội	0	0	0
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ (nguồn 12)	0	0	
		0		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
5	Chi bảo đảm xã hội			
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
6	Chi các hoạt động kinh tế	-	-	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ (280)			
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
8	Chi sự nghiệp văn hóa, thông tin	-	-	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	-		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
10	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao			
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
11	Chi an ninh	-	-	
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ			
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ			
	Mã số đơn vị sử dụng NSNN		1172569	
	Mã số Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch		0412	0412